HIỆP ĐỊNH
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
HỘI ĐỒNG LIÊN BANG THỤY SĨ
VỀ NHẬN TRỞ LẠI CÔNG DÂN VIỆT NAM CƯ TRÚ BẤT HỢP PHÁP

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hội đồng Liên bang Thụy Sĩ (sau đây gọi là các Bên ký kết),

Mong muốn duy trì và phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa hai nước,

Mong muốn thiết lập những quy phạm chung liên quan đến việc hồi hương và nhận trở lại những công dân Việt Nam đang cư trú bất hợp pháp trên lãnh thổ Thụy Sĩ;

Đã thỏa thuận những điều khoản sau:

Điều 1
Những quy định chung

1. Bên Việt Nam nhận trở lại những công dân Việt Nam đang cư trú bất hợp pháp trên lãnh thổ Thụy Sĩ, theo những nguyên tắc và thủ tục quy định trong Hiệp định này, trên cơ sở tôn trọng pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế đang có hiệu lực và xem xét từng trường hợp cụ thể.

2. Bên Thụy Sĩ đưa trở về Việt Nam những công dân Việt Nam đang cư trú bất hợp pháp trên lãnh thổ Thụy Sĩ, phù hợp với pháp luật Thụy Sĩ, các điều ước quốc tế đang có hiệu lực và với sự đồng ý của Bên Việt Nam, có quan tâm đúng mức đến khía cạnh nhân đạo và nguyên tắc đoàn tụ gia đình. Bên Thụy Sĩ dành cho người trở về có một thời hạn hợp lý để người này giải quyết các công việc cá nhân của mình tại Thụy Sĩ trước khi hồi hương về Việt Nam.

3. Việc hồi hương được thực hiện trên cơ sở tôn trọng trật tự, an toàn và nhân phẩm của người hồi hương.

4. Người hồi hương có quyền chuyển về Việt Nam tất cả tiền, tài sản mà người đó đã có được một cách hợp pháp tại Thụy Sĩ, kể cả những khoản tiền an sinh xã hội được trả cho người nước ngoài không còn cư trú trên lãnh thổ Thụy Sĩ, phù hợp với pháp luật Thụy Sĩ.

Điều 2
Đối tượng nhận trở lại và điều kiện nhận trở lại

1. Phù hợp với khoản 1 Điều 1 Hiệp định này, Bên Việt Nam nhận trở lại người bị Bên Thụy Sĩ trục xuất nếu sau khi xác minh người đó:

a) Đang có quốc tịch Việt Nam và chưa được nhập quốc tịch Thụy Sĩ, và

b) Trước đó có nơi thường trú hợp pháp tại Việt Nam.

2. Nếu người thuộc đối tượng nhận trở lại cũng có quốc tịch của một quốc gia thứ ba, Bên Thụy Sĩ sẽ quan tâm đúng mức đến ý nguyện của người này được hồi hương về một trong hai quốc gia mà người này có quốc tịch.

3. Nếu người thuộc đối tượng nhận trở lại đáp ứng những điều kiện nêu tại khoản 1 Điều này, nhưng người này đã đến được Thụy Sĩ qua một quốc gia thứ ba và nếu quốc gia này có nghĩa vụ phải nhận trở lại người này theo thỏa thuận về nhận trở lại thì Bên Thụy Sĩ sẽ đưa trả người này về quốc gia thứ ba đó.

4. Nếu người thuộc đối tượng nhận trở lại đã bị kết án tù giam và bị trục xuất theo quyết định của nhà chức trách tư pháp Thụy Sĩ thì người này phải thi hành xong bản án của mình tại Thụy Sĩ trước khi có thể được nhận trở lại về Việt Nam.

5. Hiệp định này không áp dụng đối với những người được hưởng quy chế tị nạn tại Thụy Sĩ, cũng như đối với công dân Việt Nam có vợ hoặc chồng, hoặc con mang quốc tịch Thụy Sĩ.

6. Nếu Bên Việt Nam phát hiện những yếu tố mà Bên Việt Nam chưa được biết vào thời điểm Bên Thụy Sĩ đưa ra yêu cầu nhận trở lại, Bên Thụy Sĩ sẽ kiểm tra những yếu tố này trên cơ sở quan tâm đúng mức những khía cạnh nhân đạo và nguyên tắc đoàn tụ gia đình, phù hợp với pháp luật và thực tiễn của Thụy Sĩ.

Điều 3
Thời hạn

1. Bên Việt Nam tiến hành xác minh các yếu tố thông tin liên quan đến người thuộc diện có thể nhận trả lại trong thời hạn hai (02) tháng kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ. Thời hạn này có thể được kéo dài thêm tối đa là một (01) tháng.

2. Bên Việt Nam tiếp nhận người được nhận trở lại trên lãnh thổ của mình trong thời hạn một (01) tháng kể từ ngày thông báo đồng ý nhận trở lại người đó. Theo đề nghị của Bên Thụy Sĩ, thời hạn này có thể được gia hạn thêm nếu việc này là cần thiết do những trở ngại về mặt pháp lý hoặc thực tiễn.

Điều 4
Việc nhận lại người đã hồi hương

Bên Thụy Sĩ nhận trở lại ngay mà không cần qua thủ tục trên lãnh thổ của mình những người đã được Bên Việt Nam tiếp nhận trong trường hợp kết quả kiểm tra sau khi những người này đã hồi hương cho thấy họ không đáp ứng được những điều kiện nêu tại Điều 2 Hiệp định này vào thời điểm họ xuất cảnh ra khỏi lãnh thổ Thụy Sĩ. Trong trường hợp có trở ngại, việc nhận lại những người này sẽ được thực hiện muộn nhất trong tháng tiếp theo.

Điều 5
Nhà chức trách có thẩm quyền

1. Vào thời điểm ký Hiệp định này, các Bên ký kết sẽ trao đổi cho nhau thông tin dùng để liên hệ với nhau giữa các nhà chức trách có thẩm quyền chuyển, tiếp nhận và xử lý đề nghị nhận trở lại.

2. Các Bên ký kết thông báo nhanh chóng cho nhau qua đường ngoại giao về mọi thay đổi liên quan đến những thông tin dùng để liên hệ của các nhà chức trách có thẩm quyền của hai bên.

Điều 6
Thủ tục nhận trở lại

1. Nếu người thuộc diện nhận trở lại đáp ứng những điều kiện nêu tại Điều 2 Hiệp định này, Đại sứ quán Thụy Sĩ tại Việt Nam gửi hồ sơ liên quan đến người này cho Bộ Công an và Bộ Ngoại giao. Hồ sơ bao gồm đề nghị nhận trở lại, kèm theo danh sách những người hồi hương, bản tự khai của cá nhân theo mẫu in sẵn, các giấy tờ và bằng chứng dùng để chứng minh hoặc suy đoán về nhân thân và quốc tịch, 02 ảnh căn cước (cỡ 4x6), cũng như một xác nhận chính thức của nhà chức trách có thẩm quyền Thụy Sĩ về tình trạng cư trú bất hợp pháp của đương sự theo mẫu kèm theo và được nhà chức trách có thẩm quyền chứng thực.

2. a) Theo đề nghị của Bên Việt Nam, Bên Thụy Sĩ tạo điều kiện thuận lợi cho nhà chức trách có thẩm quyền thẩm vấn người có liên quan để thu thập những yếu tố thông tin hữu ích cho phép xác định hoặc khẳng định chi tiết nhân thân và quốc tịch cũng như nơi thường trú cuối cùng của đương sự.

b) Nếu có nghi ngờ về khả năng một người nào đó có thuộc diện nhận trở lại hay không trong một trường hợp cụ thể, nhà chức trách Thụy Sĩ có thể yêu cầu nhà chức trách có thẩm quyền Việt Nam thẩm vấn người đó.

3. Nếu việc xác minh cho thấy người được đề nghị nhận trở lại đáp ứng những điều kiện quy định tại Điều 2 Hiệp định này, Bên Việt Nam cấp Giấy thông hành kèm theo thông báo về việc đồng ý tiếp nhận và chuyển cho nhà chức trách có thẩm quyền của Thụy Sĩ.

4. Đại sứ quán Thụy Sĩ thông báo cho Bộ Công an và Bộ Ngoại giao Việt Nam trong thời hạn tối thiểu là 15 ngày về việc hồi hương. Những cơ quan này cũng phải được thông báo về ngày người hồi hương nhập cảnh, cửa khẩu nhập cảnh (Cửa khẩu Nội Bài tại Hà nội hoặc Cửa khẩu Tân Sơn Nhất tại Thành phố Hồ Chí Minh), số hiệu và giờ của chuyến bay, danh sách những người hồi hương và những chi tiết về hộ chiếu của những nhân viên chuyên trách của Thụy Sĩ đi kèm người hồi hương (họ và tên, ngày sinh, số hộ chiếu, thời hạn dự định lưu trú tại Việt Nam...) trong trường hợp cần thiết có nhân viên đi kèm để làm các thủ tục tiếp nhận.

5. Khi bàn giao người hồi hương tại sân bay Việt Nam, nhân viên chuyên trách đi kèm của Thụy Sĩ sẽ chuyển cho nhà chức trách Việt Nam giấy xác nhận y tế của người hồi hương, nếu người này cần thiết phải được chăm sóc về sức khỏe. Nhân viên chuyên trách đi kèm hoặc người đại diện có thẩm quyền của Thụy Sĩ tại Việt Nam ký biên bản bàn giao người hồi hương.

Điều 7
Chi phí

1. Bên Thụy Sĩ chịu mọi chi phí vận chuyển đến cửa khẩu quy định tại khoản 4 Điều 6 Hiệp định này cũng như những chi phí liên quan đến việc nhận lại những người đã hồi hương theo quy định tại Điều 4 Hiệp định này.

Bên Thụy Sĩ thanh toán dưới hình thức khoán trọn gói những chi phí phát sinh đối với viên chức của Bên Việt Nam có trách nhiệm thẩm vấn những người thuộc diện nhận trở lại quy định tại khoản 2 Điều 6 (chi phí đi lại, ăn ở, sinh hoạt phí theo ngày).

2. Bên Thụy Sĩ sẽ hỗ trợ cho Bên Việt Nam với mục đích tạo thuận lợi cho việc tiếp nhận và tái hòa nhập những người hồi hương theo Hiệp định này. Nhóm chuyên viên bao gồm đại diện của hai Bên có thể đệ trình lên các nhà chức trách có thẩm quyền những đề nghị hoặc dự án liên quan để thực hiện sự hỗ trợ này.

3. Trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được thông báo về những khoản chi phí quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, Bên Thụy Sĩ sẽ thanh toán toàn bộ những chi phí đó thông qua chuyển khoản bằng đồng Franc Thụy Sĩ vào tài khoản ngân hàng của một Bộ của Bên Việt Nam. Các Bên ký kết thông báo cho nhau bằng công hàm ngoại giao về chi tiết liên quan đến tài khoản ngân hàng của mình.

Điều 8
Bảo vệ dữ liệu

1. Những dữ liệu cá nhân cần thiết cho việc thực hiện Hiệp định này phải được xử lý và bảo vệ phù hợp với những qui định pháp luật đang có hiệu lực của mỗi Bên ký kết về bảo vệ dữ liệu và các điều ước quốc tế đang có hiệu lực đối với mỗi Bên ký kết trong lĩnh vực này.

2. Trong phạm vi nói trên, những dữ liệu cá nhân có thể được chuyển giao chỉ bao gồm những dữ liệu cá nhân có liên quan đến người thuộc diện nhận trở lại và có thể những dữ liệu cá nhân liên quan đến thành viên gia đình của người này (họ và tên, họ và tên trước đây nếu có, tên đệm hoặc bí danh, họ và tên giả, ngày và nơi sinh, giới tính, quốc tịch hiện nay và quốc tịch trước đây); giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đó; những dữ liệu cần thiết khác dùng để xác định chi tiết nhân thân; những nơi lưu trú trước đây và hành trình của người này.

3. Chỉ có những nhà chức trách có thẩm quyền mới có quyền xử lý những dữ liệu cá nhân để thực hiện Hiệp định này và vì những mục đích được quy định trong Hiệp định này. Mọi việc chuyển giao tiếp những dữ liệu này cho những nhà chức trách khác phải được nhà chức trách cung cấp dữ liệu đó cho phép. Ngoài ra, mỗi Bên ký kết phải giao cho một cơ quan độc lập và thích hợp chịu trách nhiệm kiểm soát việc xử lý và sử dụng những dữ liệu này.

4. Theo yêu cầu của một Bên ký kết, Bên ký kết kia sẽ thông báo cho Bên ký kết yêu cầu việc sử dụng các dữ liệu cá nhân được chuyển giao và kết quả xử lý những dữ liệu đó. Theo yêu cầu của người có liên quan, người này được thông báo về những thông tin liên quan đến bản thân mình và cách thức sử dụng những thông tin này.

5. Những dữ liệu cá nhân được chuyển giao sẽ được lưu trữ trong suốt thời gian cần thiết đủ để thực hiện được mục đích chuyển giao những dữ liệu đó.

6. Bên ký kết chuyển giao dữ liệu có trách nhiệm bảo đảm những dữ liệu được chuyển giao là chính xác, cần thiết và phù hợp với mục đích của việc chuyển giao dữ liệu. Nếu Bên chuyển giao phát hiện ra những dữ liệu được chuyển giao không chính xác hoặc việc chuyển giao là không hợp pháp thì Bên chuyển giao có trách nhiệm thông báo ngay cho Bên tiếp nhận dữ liệu. Bên tiếp nhận có trách nhiệm điều chỉnh lại hoặc tiêu hủy những dữ liệu như trên.

7. Các Bên ký kết có trách nhiệm lập hồ sơ chuyển giao và tiếp nhận dữ liệu cá nhân và bảo vệ có hiệu quả những dữ liệu cá nhân đã được chuyển giao nhằm không để xảy ra việc tiếp cận bất hợp pháp, lạm dụng hoặc cung cấp bất hợp pháp những dữ liệu đó.

Điều 9
Điều khoản không ảnh hưởng

Hiệp định này không ảnh hưởng đến các nghĩa vụ khác của các Bên ký kết theo luật pháp quốc tế, đặc biệt là những nghĩa vụ quy định trong các điều ước quốc tế trong lĩnh vực nhân quyền và dẫn độ.

Điều 10
Phạm vi áp dụng về lãnh thổ

Hiệp định này cũng được áp dụng đối với Công quốc Liechtenstein.

Điều 11
Sửa đổi, bổ sung

Các Bên ký kết có thể sửa đổi, bổ sung Hiệp định này bằng văn bản và theo thỏa thuận chung qua đường ngoại giao.

Điều 12
Nguyên tắc hợp tác hữu nghị và giải quyết các tranh chấp

1. Các Bên ký kết cam kết hợp tác chặt chẽ và cùng nhau giải quyết trên cơ sở thỏa thuận chung những vấn đề có thể phát sinh trong quá trình thực hiện Hiệp định này.

2. Mọi tranh chấp phát sinh từ việc giải thích và thực hiện Hiệp định này sẽ được giải quyết qua đường ngoại giao. Trong trường hợp cần thiết, mỗi Bên ký kết có thể yêu cầu triệu tập ngay cuộc họp ở cấp chuyên viên để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thực hiện Hiệp định này.

Điều 13
Đình chỉ và bãi bỏ

Mỗi Bên ký kết có thể đình chỉ việc thực hiện toàn bộ hoặc một phần hoặc bãi bỏ Hiệp định này vì những lý do quan trọng, đặc biệt là những lý do liên quan đến bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng hoặc sức khỏe cộng đồng. Việc đình chỉ hoặc bãi bỏ cần được thông báo ngay cho phía Bên ký kết kia bằng văn bản và qua đường ngoại giao. Việc đình chỉ hoặc bãi bỏ sẽ có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo phù hợp.

Điều 14
Hiệu lực

1. Hiệp định này sẽ có hiệu lực sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày ký Hiệp định này.

2. Hiệp định này có hiệu lực trong thời hạn năm (05) năm và sẽ mặc nhiên được gia hạn thêm mỗi lần ba năm, trừ khi một Bên ký kết thông báo cho Bên kia bằng văn bản về ý định không gia hạn Hiệp định ít nhất sáu tháng trước khi Hiệp định này hết hạn.

Làm tại Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2006 thành hai bản gốc bằng tiếng Việt và tiếng Pháp, cả hai văn bản đều có giá trị như nhau.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	**THAY MẶT HỘI ĐỒNG LIÊN BANG THỤY SĨ**
Vũ Dũng **Thứ trưởng Bộ Ngoại giao**	**Bénédict de Cerjat** **Đại sứ đặc mệnh toàn quyền** **Liên bang Thụy Sĩ** **Tại nước CHXHCN Việt Nam**

HIỆP ĐỊNH
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
HỘI ĐỒNG LIÊN BANG THỤY SĨ
VỀ NHẬN TRỞ LẠI CÔNG DÂN VIỆT NAM CƯ TRÚ BẤT HỢP PHÁP

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hội đồng Liên bang Thụy Sĩ (sau đây gọi là các Bên ký kết),

Mong muốn duy trì và phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa hai nước,

Mong muốn thiết lập những quy phạm chung liên quan đến việc hồi hương và nhận trở lại những công dân Việt Nam đang cư trú bất hợp pháp trên lãnh thổ Thụy Sĩ;

Đã thỏa thuận những điều khoản sau:

Điều 1
Những quy định chung

1. Bên Việt Nam nhận trở lại những công dân Việt Nam đang cư trú bất hợp pháp trên lãnh thổ Thụy Sĩ, theo những nguyên tắc và thủ tục quy định trong Hiệp định này, trên cơ sở tôn trọng pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế đang có hiệu lực và xem xét từng trường hợp cụ thể.

2. Bên Thụy Sĩ đưa trở về Việt Nam những công dân Việt Nam đang cư trú bất hợp pháp trên lãnh thổ Thụy Sĩ, phù hợp với pháp luật Thụy Sĩ, các điều ước quốc tế đang có hiệu lực và với sự đồng ý của Bên Việt Nam, có quan tâm đúng mức đến khía cạnh nhân đạo và nguyên tắc đoàn tụ gia đình. Bên Thụy Sĩ dành cho người trở về có một thời hạn hợp lý để người này giải quyết các công việc cá nhân của mình tại Thụy Sĩ trước khi hồi hương về Việt Nam.

3. Việc hồi hương được thực hiện trên cơ sở tôn trọng trật tự, an toàn và nhân phẩm của người hồi hương.

4. Người hồi hương có quyền chuyển về Việt Nam tất cả tiền, tài sản mà người đó đã có được một cách hợp pháp tại Thụy Sĩ, kể cả những khoản tiền an sinh xã hội được trả cho người nước ngoài không còn cư trú trên lãnh thổ Thụy Sĩ, phù hợp với pháp luật Thụy Sĩ.

Điều 2
Đối tượng nhận trở lại và điều kiện nhận trở lại

1. Phù hợp với khoản 1 Điều 1 Hiệp định này, Bên Việt Nam nhận trở lại người bị Bên Thụy Sĩ trục xuất nếu sau khi xác minh người đó:

a) Đang có quốc tịch Việt Nam và chưa được nhập quốc tịch Thụy Sĩ, và

b) Trước đó có nơi thường trú hợp pháp tại Việt Nam.

2. Nếu người thuộc đối tượng nhận trở lại cũng có quốc tịch của một quốc gia thứ ba, Bên Thụy Sĩ sẽ quan tâm đúng mức đến ý nguyện của người này được hồi hương về một trong hai quốc gia mà người này có quốc tịch.

3. Nếu người thuộc đối tượng nhận trở lại đáp ứng những điều kiện nêu tại khoản 1 Điều này, nhưng người này đã đến được Thụy Sĩ qua một quốc gia thứ ba và nếu quốc gia này có nghĩa vụ phải nhận trở lại người này theo thỏa thuận về nhận trở lại thì Bên Thụy Sĩ sẽ đưa trả người này về quốc gia thứ ba đó.

4. Nếu người thuộc đối tượng nhận trở lại đã bị kết án tù giam và bị trục xuất theo quyết định của nhà chức trách tư pháp Thụy Sĩ thì người này phải thi hành xong bản án của mình tại Thụy Sĩ trước khi có thể được nhận trở lại về Việt Nam.

5. Hiệp định này không áp dụng đối với những người được hưởng quy chế tị nạn tại Thụy Sĩ, cũng như đối với công dân Việt Nam có vợ hoặc chồng, hoặc con mang quốc tịch Thụy Sĩ.

6. Nếu Bên Việt Nam phát hiện những yếu tố mà Bên Việt Nam chưa được biết vào thời điểm Bên Thụy Sĩ đưa ra yêu cầu nhận trở lại, Bên Thụy Sĩ sẽ kiểm tra những yếu tố này trên cơ sở quan tâm đúng mức những khía cạnh nhân đạo và nguyên tắc đoàn tụ gia đình, phù hợp với pháp luật và thực tiễn của Thụy Sĩ.

Điều 3
Thời hạn

1. Bên Việt Nam tiến hành xác minh các yếu tố thông tin liên quan đến người thuộc diện có thể nhận trả lại trong thời hạn hai (02) tháng kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ. Thời hạn này có thể được kéo dài thêm tối đa là một (01) tháng.

2. Bên Việt Nam tiếp nhận người được nhận trở lại trên lãnh thổ của mình trong thời hạn một (01) tháng kể từ ngày thông báo đồng ý nhận trở lại người đó. Theo đề nghị của Bên Thụy Sĩ, thời hạn này có thể được gia hạn thêm nếu việc này là cần thiết do những trở ngại về mặt pháp lý hoặc thực tiễn.

Điều 4
Việc nhận lại người đã hồi hương

Bên Thụy Sĩ nhận trở lại ngay mà không cần qua thủ tục trên lãnh thổ của mình những người đã được Bên Việt Nam tiếp nhận trong trường hợp kết quả kiểm tra sau khi những người này đã hồi hương cho thấy họ không đáp ứng được những điều kiện nêu tại Điều 2 Hiệp định này vào thời điểm họ xuất cảnh ra khỏi lãnh thổ Thụy Sĩ. Trong trường hợp có trở ngại, việc nhận lại những người này sẽ được thực hiện muộn nhất trong tháng tiếp theo.

Điều 5
Nhà chức trách có thẩm quyền

1. Vào thời điểm ký Hiệp định này, các Bên ký kết sẽ trao đổi cho nhau thông tin dùng để liên hệ với nhau giữa các nhà chức trách có thẩm quyền chuyển, tiếp nhận và xử lý đề nghị nhận trở lại.

2. Các Bên ký kết thông báo nhanh chóng cho nhau qua đường ngoại giao về mọi thay đổi liên quan đến những thông tin dùng để liên hệ của các nhà chức trách có thẩm quyền của hai bên.

Điều 6
Thủ tục nhận trở lại

1. Nếu người thuộc diện nhận trở lại đáp ứng những điều kiện nêu tại Điều 2 Hiệp định này, Đại sứ quán Thụy Sĩ tại Việt Nam gửi hồ sơ liên quan đến người này cho Bộ Công an và Bộ Ngoại giao. Hồ sơ bao gồm đề nghị nhận trở lại, kèm theo danh sách những người hồi hương, bản tự khai của cá nhân theo mẫu in sẵn, các giấy tờ và bằng chứng dùng để chứng minh hoặc suy đoán về nhân thân và quốc tịch, 02 ảnh căn cước (cỡ 4x6), cũng như một xác nhận chính thức của nhà chức trách có thẩm quyền Thụy Sĩ về tình trạng cư trú bất hợp pháp của đương sự theo mẫu kèm theo và được nhà chức trách có thẩm quyền chứng thực.

2. a) Theo đề nghị của Bên Việt Nam, Bên Thụy Sĩ tạo điều kiện thuận lợi cho nhà chức trách có thẩm quyền thẩm vấn người có liên quan để thu thập những yếu tố thông tin hữu ích cho phép xác định hoặc khẳng định chi tiết nhân thân và quốc tịch cũng như nơi thường trú cuối cùng của đương sự.

b) Nếu có nghi ngờ về khả năng một người nào đó có thuộc diện nhận trở lại hay không trong một trường hợp cụ thể, nhà chức trách Thụy Sĩ có thể yêu cầu nhà chức trách có thẩm quyền Việt Nam thẩm vấn người đó.

3. Nếu việc xác minh cho thấy người được đề nghị nhận trở lại đáp ứng những điều kiện quy định tại Điều 2 Hiệp định này, Bên Việt Nam cấp Giấy thông hành kèm theo thông báo về việc đồng ý tiếp nhận và chuyển cho nhà chức trách có thẩm quyền của Thụy Sĩ.

4. Đại sứ quán Thụy Sĩ thông báo cho Bộ Công an và Bộ Ngoại giao Việt Nam trong thời hạn tối thiểu là 15 ngày về việc hồi hương. Những cơ quan này cũng phải được thông báo về ngày người hồi hương nhập cảnh, cửa khẩu nhập cảnh (Cửa khẩu Nội Bài tại Hà nội hoặc Cửa khẩu Tân Sơn Nhất tại Thành phố Hồ Chí Minh), số hiệu và giờ của chuyến bay, danh sách những người hồi hương và những chi tiết về hộ chiếu của những nhân viên chuyên trách của Thụy Sĩ đi kèm người hồi hương (họ và tên, ngày sinh, số hộ chiếu, thời hạn dự định lưu trú tại Việt Nam...) trong trường hợp cần thiết có nhân viên đi kèm để làm các thủ tục tiếp nhận.

5. Khi bàn giao người hồi hương tại sân bay Việt Nam, nhân viên chuyên trách đi kèm của Thụy Sĩ sẽ chuyển cho nhà chức trách Việt Nam giấy xác nhận y tế của người hồi hương, nếu người này cần thiết phải được chăm sóc về sức khỏe. Nhân viên chuyên trách đi kèm hoặc người đại diện có thẩm quyền của Thụy Sĩ tại Việt Nam ký biên bản bàn giao người hồi hương.

Điều 7
Chi phí

1. Bên Thụy Sĩ chịu mọi chi phí vận chuyển đến cửa khẩu quy định tại khoản 4 Điều 6 Hiệp định này cũng như những chi phí liên quan đến việc nhận lại những người đã hồi hương theo quy định tại Điều 4 Hiệp định này.

Bên Thụy Sĩ thanh toán dưới hình thức khoán trọn gói những chi phí phát sinh đối với viên chức của Bên Việt Nam có trách nhiệm thẩm vấn những người thuộc diện nhận trở lại quy định tại khoản 2 Điều 6 (chi phí đi lại, ăn ở, sinh hoạt phí theo ngày).

2. Bên Thụy Sĩ sẽ hỗ trợ cho Bên Việt Nam với mục đích tạo thuận lợi cho việc tiếp nhận và tái hòa nhập những người hồi hương theo Hiệp định này. Nhóm chuyên viên bao gồm đại diện của hai Bên có thể đệ trình lên các nhà chức trách có thẩm quyền những đề nghị hoặc dự án liên quan để thực hiện sự hỗ trợ này.

3. Trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được thông báo về những khoản chi phí quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, Bên Thụy Sĩ sẽ thanh toán toàn bộ những chi phí đó thông qua chuyển khoản bằng đồng Franc Thụy Sĩ vào tài khoản ngân hàng của một Bộ của Bên Việt Nam. Các Bên ký kết thông báo cho nhau bằng công hàm ngoại giao về chi tiết liên quan đến tài khoản ngân hàng của mình.

Điều 8
Bảo vệ dữ liệu

1. Những dữ liệu cá nhân cần thiết cho việc thực hiện Hiệp định này phải được xử lý và bảo vệ phù hợp với những qui định pháp luật đang có hiệu lực của mỗi Bên ký kết về bảo vệ dữ liệu và các điều ước quốc tế đang có hiệu lực đối với mỗi Bên ký kết trong lĩnh vực này.

2. Trong phạm vi nói trên, những dữ liệu cá nhân có thể được chuyển giao chỉ bao gồm những dữ liệu cá nhân có liên quan đến người thuộc diện nhận trở lại và có thể những dữ liệu cá nhân liên quan đến thành viên gia đình của người này (họ và tên, họ và tên trước đây nếu có, tên đệm hoặc bí danh, họ và tên giả, ngày và nơi sinh, giới tính, quốc tịch hiện nay và quốc tịch trước đây); giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đó; những dữ liệu cần thiết khác dùng để xác định chi tiết nhân thân; những nơi lưu trú trước đây và hành trình của người này.

3. Chỉ có những nhà chức trách có thẩm quyền mới có quyền xử lý những dữ liệu cá nhân để thực hiện Hiệp định này và vì những mục đích được quy định trong Hiệp định này. Mọi việc chuyển giao tiếp những dữ liệu này cho những nhà chức trách khác phải được nhà chức trách cung cấp dữ liệu đó cho phép. Ngoài ra, mỗi Bên ký kết phải giao cho một cơ quan độc lập và thích hợp chịu trách nhiệm kiểm soát việc xử lý và sử dụng những dữ liệu này.

4. Theo yêu cầu của một Bên ký kết, Bên ký kết kia sẽ thông báo cho Bên ký kết yêu cầu việc sử dụng các dữ liệu cá nhân được chuyển giao và kết quả xử lý những dữ liệu đó. Theo yêu cầu của người có liên quan, người này được thông báo về những thông tin liên quan đến bản thân mình và cách thức sử dụng những thông tin này.

5. Những dữ liệu cá nhân được chuyển giao sẽ được lưu trữ trong suốt thời gian cần thiết đủ để thực hiện được mục đích chuyển giao những dữ liệu đó.

6. Bên ký kết chuyển giao dữ liệu có trách nhiệm bảo đảm những dữ liệu được chuyển giao là chính xác, cần thiết và phù hợp với mục đích của việc chuyển giao dữ liệu. Nếu Bên chuyển giao phát hiện ra những dữ liệu được chuyển giao không chính xác hoặc việc chuyển giao là không hợp pháp thì Bên chuyển giao có trách nhiệm thông báo ngay cho Bên tiếp nhận dữ liệu. Bên tiếp nhận có trách nhiệm điều chỉnh lại hoặc tiêu hủy những dữ liệu như trên.

7. Các Bên ký kết có trách nhiệm lập hồ sơ chuyển giao và tiếp nhận dữ liệu cá nhân và bảo vệ có hiệu quả những dữ liệu cá nhân đã được chuyển giao nhằm không để xảy ra việc tiếp cận bất hợp pháp, lạm dụng hoặc cung cấp bất hợp pháp những dữ liệu đó.

Điều 9
Điều khoản không ảnh hưởng

Hiệp định này không ảnh hưởng đến các nghĩa vụ khác của các Bên ký kết theo luật pháp quốc tế, đặc biệt là những nghĩa vụ quy định trong các điều ước quốc tế trong lĩnh vực nhân quyền và dẫn độ.

Điều 10
Phạm vi áp dụng về lãnh thổ

Hiệp định này cũng được áp dụng đối với Công quốc Liechtenstein.

Điều 11
Sửa đổi, bổ sung

Các Bên ký kết có thể sửa đổi, bổ sung Hiệp định này bằng văn bản và theo thỏa thuận chung qua đường ngoại giao.

Điều 12
Nguyên tắc hợp tác hữu nghị và giải quyết các tranh chấp

1. Các Bên ký kết cam kết hợp tác chặt chẽ và cùng nhau giải quyết trên cơ sở thỏa thuận chung những vấn đề có thể phát sinh trong quá trình thực hiện Hiệp định này.

2. Mọi tranh chấp phát sinh từ việc giải thích và thực hiện Hiệp định này sẽ được giải quyết qua đường ngoại giao. Trong trường hợp cần thiết, mỗi Bên ký kết có thể yêu cầu triệu tập ngay cuộc họp ở cấp chuyên viên để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thực hiện Hiệp định này.

Điều 13
Đình chỉ và bãi bỏ

Mỗi Bên ký kết có thể đình chỉ việc thực hiện toàn bộ hoặc một phần hoặc bãi bỏ Hiệp định này vì những lý do quan trọng, đặc biệt là những lý do liên quan đến bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng hoặc sức khỏe cộng đồng. Việc đình chỉ hoặc bãi bỏ cần được thông báo ngay cho phía Bên ký kết kia bằng văn bản và qua đường ngoại giao. Việc đình chỉ hoặc bãi bỏ sẽ có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo phù hợp.

Điều 14
Hiệu lực

1. Hiệp định này sẽ có hiệu lực sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày ký Hiệp định này.

2. Hiệp định này có hiệu lực trong thời hạn năm (05) năm và sẽ mặc nhiên được gia hạn thêm mỗi lần ba năm, trừ khi một Bên ký kết thông báo cho Bên kia bằng văn bản về ý định không gia hạn Hiệp định ít nhất sáu tháng trước khi Hiệp định này hết hạn.

Làm tại Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2006 thành hai bản gốc bằng tiếng Việt và tiếng Pháp, cả hai văn bản đều có giá trị như nhau.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	**THAY MẶT HỘI ĐỒNG LIÊN BANG THỤY SĨ**
Vũ Dũng **Thứ trưởng Bộ Ngoại giao**	**Bénédict de Cerjat** **Đại sứ đặc mệnh toàn quyền** **Liên bang Thụy Sĩ** **Tại nước CHXHCN Việt Nam**

ACCORD

ENTRE

LE GOUVERNEMENT DE LA RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIETNAM

ET

LE CONSEIL FÉDÉRAL SUISSE

RELATIF À

LA RÉADMISSION DE CITOYENS VIETNAMIENS EN SITUATION IRRÉGULIÈRE

Le Gouvernement de la République socialiste du Vietnam et le Conseil fédéral suisse (appelés ci-après les Parties contractantes) ;

Désireux de maintenir et de développer les liens d'amitié et la coopération entre les deux pays ;

Désireux d'établir des normes communes relatives au rapatriement et à la réadmission des citoyens vietnamiens en situation irrégulière sur le territoire suisse;

sont convenus des dispositions suivantes:

Article 1
Dispositions générales

1. La Partie vietnamienne réadmet selon les principes et les procédures prévues par le présent Accord, les citoyens vietnamiens en situation irrégulière sur le territoire suisse, dans le respect de la législation vietnamienne et des Conventions internationales en vigueur et sur la base d'un examen individuel des cas.

2. La Partie suisse retourne au Vietnam, conformément à la législation suisse, aux Conventions internationales en vigueur et avec l'accord de la Partie vietnamienne, les citoyens vietnamiens en situation irrégulière sur le territoire suisse, en tenant dûment compte des aspects humanitaires et du principe du regroupement familial. La Partie suisse accorde à la personne concernée un délai raisonnable qui lui permette de régler ses affaires privées en Suisse préalablement à son rapatriement au Vietnam.

3. Le rapatriement s'effectue dans le respect de l'ordre, de la sécurité et de la dignité de la personne rapatriée.

4. La personne rapatriée a le droit de transférer au Vietnam tout argent, tout bien qu'elle a acquis légalement en Suisse, y compris les prestations de sécurité sociale versées, en vertu de la législation suisse, aux étrangers qui ne résident plus en Suisse.

Article 2
Personnes à réadmettre et conditions de réadmission

1. Conformément à l'article 1er, alinéa 1 du présent Accord, la Partie vietnamienne réadmet la personne renvoyée lorsqu'il a été vérifié qu'elle:

a) est en possession de la nationalité vietnamienne et n'a pas obtenu la naturalisation en Suisse, et
b) a auparavant disposé d'un domicile permanent légal au Vietnam.

2. Si la personne à réadmettre possède également la nationalité d'un Etat tiers, la Partie suisse tient dûment compte de la volonté de cette personne à retourner dans l'un ou l'autre pays.

3. Si la personne à réadmettre réunit les conditions mentionnées à l'alinéa 1 du présent article, mais qu'elle a gagné la Suisse par un Etat tiers obligé, en vertu d'un accord de réadmission, de réadmettre cette personne, la Suisse la retourne à cet Etat tiers.

4. Si la personne à réadmettre a été condamnée à une peine de prison et à une expulsion judiciaire prononcée par les autorités suisses, elle doit avoir accompli toute la durée de sa peine en Suisse, avant de pouvoir être réadmise au Vietnam.

5. Le présent Accord n'est pas applicable aux personnes au bénéfice du statut de réfugié ainsi qu'aux citoyens vietnamiens dont le conjoint ou les enfants possèdent la nationalité suisse.

6. Si la Partie vietnamienne découvre des éléments qui ne lui étaient pas connus au moment de la demande présentée par la Partie suisse, cette dernière les examine, en tenant dûment compte des aspects humanitaires et du principe du regroupement familial, conformément à la législation et à la pratique suisses.

Article 3
Délais

1. La Partie vietnamienne procède à la vérification des éléments d'information relatifs à la personne à réadmettre dans un délai de deux mois suivant la date de réception du dossier complet. Ce délai peut être prolongé pour une durée maximale d'un mois.

2. La Partie vietnamienne réadmet sur son territoire la personne concernée dans le délai d'un mois suivant la date de la notification de l'acceptation. Ce délai peut être prolongé à la demande de la Partie suisse, si des obstacles d'ordre juridique et pratique l'exigent.

Article 4
Retour éventuel de la personne rapatriée

La Partie suisse réadmet, sans formalité et sans délai, sur son territoire les personnes réadmises par la Partie vietnamienne, lorsqu'il s'avère, après vérifications postérieures à leur réadmission, qu'elles ne remplissaient pas les conditions prévues à l'article 2 du présent Accord au moment de leur sortie du territoire suisse. En cas d'obstacles, le retour de la personne concernée doit s'effectuer au plus tard dans le mois qui suit.

Article 5
Autorités compétentes

1. Lors de la signature du présent Accord, les Parties contractantes s'échangent les coordonnées des autorités compétentes pour présenter, recevoir et traiter des demandes de réadmission.

2. Tout changement ultérieur des coordonnées des autorités compétentes est communiqué, sans délai, par voie diplomatique.

Article 6
Procédure de réadmission

1. Si la personne à réadmettre réunit les conditions indiquées à l'article 2 du présent Accord, l'Ambassade de Suisse au Vietnam présente le dossier relatif à cette personne respectivement au Ministère de la sécurité publique et au Ministère des affaires étrangères. Le dossier comprend la demande de réadmission, accompagnée de la liste des rapatriés, des formulaires de déclaration personnelle, des documents ou indices qui prouvent ou rendent vraisemblable l'identité et la nationalité, de deux photographies d'identité (format 4 x 6), ainsi que d'une attestation officielle de l'autorité compétente suisse certifiant le séjour illégal en Suisse selon le modèle annexé, dûment authentifiée par les autorités compétentes.

2. a) A la demande de la Partie vietnamienne, la Partie suisse favorise l'audition de la personne concernée par l'autorité compétente pour l'obtention des éléments d'information utiles permettant d'établir ou de confirmer l'identité et la nationalité de l'intéressé, ainsi que de déterminer le lieu de son dernier domicile permanent.

b) En cas de doute sur la possibilité de réadmettre une personne dans un cas particulier, l'autorité suisse peut demander à l'autorité compétente vietnamienne de procéder à l'audition de l'intéressé.

3. S'il est vérifié que l'intéressé réunit les conditions indiquées à l'article 2 du présent Accord, la Partie vietnamienne délivrera le document de voyage, accompagné de la notification de réadmission et les remettra à l'autorité suisse compétente.

4. Le rapatriement doit être annoncé par l'Ambassade de Suisse au Ministère de la sécurité publique et au Ministère des affaires étrangères vietnamiens dans le délai minimal de 15 jours. Ces derniers doivent être informés de la date, de la porte d'entrée (Noi bai -Hanoi ou Tan Son Nhat - Ho Chi Minh-Ville), du numéro et de l'heure du vol, de la liste des rapatriés et, le cas échéant, des descriptions du passeport du personnel spécialisé suisse (prénom et nom de famille, date de naissance, numéro du passeport, séjour prévu au Vietnam, etc), pour les formalités d'accueil.

5. Lors de la remise des rapatriés à l'aéroport vietnamien, le personnel suisse présente à l'autorité vietnamienne un certificat médical, si la personne concernée nécessite des soins médicaux. Le personnel spécialisé accompagnant ou le représentant suisse compétent sur place procède à la signature du procès-verbal de remise.

Article 7
Frais

1. Les frais de transport jusqu'à la porte d'entrée mentionnée à l'article 6 alinéa 4 du présent Accord ainsi que les frais liés à un éventuel retour de la personne mentionnée à l'article 4 du présent Accord sont à la charge de la Partie suisse.

La Partie suisse indemnise, de manière forfaitaire, le personnel de la Partie vietnamienne chargé de l'audition des personnes à réadmettre selon les dispositions de l'article 6, alinéa 2, pour les frais occasionnés (frais de voyage, de séjour, indemnités journalières).

2. En vue de favoriser l'accueil et la réinstallation des personnes qui retournent en vertu du présent Accord, la Partie suisse assiste la Partie vietnamienne. Un groupe d'experts, composé de représentants des deux parties, peut soumettre aux autorités compétentes des propositions ou des projets relatifs à la mise en œuvre de cette assistance.

3. Dans les 30 jours suivant la réception de la note des frais visés aux alinéas 1 et 2 du présent article, la Partie suisse en acquitte le montant, en virant la somme en francs suisses sur le compte bancaire d'un Ministère de la Partie vietnamienne. Les Parties contractantes se communiquent leurs coordonnées bancaires par échange de notes.

Article 8
Protection des données

1. Les données personnelles nécessaires pour l'exécution du présent Accord sont traitées et protégées conformément aux législations sur la protection des données en vigueur dans chacune des Parties contractantes et aux dispositions des Conventions internationales applicables en la matière auxquelles les Parties contractantes sont liées.

2. Dans ce cadre, les données personnelles à communiquer ne concernent exclusivement que les données personnelles relatives à la personne à réadmettre et éventuellement celles des membres de sa

famille (nom, prénom, le cas échéant nom antérieur, surnom ou pseudonyme, noms d'emprunt, date et lieu de naissance, sexe, et nationalités antérieure et actuelle) ; sa carte d'identité ou son passeport ; d'autres données nécessaires à son identification ; ainsi que ses lieux de séjour et son(ses) itinéraire(s).

3. Les données personnelles ne peuvent être traitées que par les autorités compétentes pour l'exécution du présent Accord et aux fins prévues par celui-ci. Toute transmission ultérieure à d'autres autorités doit recevoir au préalable l'autorisation de l'autorité qui les a communiquées. Par ailleurs, chaque Partie contractante charge un organe indépendant approprié de contrôler le traitement et l'utilisation de ces données.

4. Chacune des Parties contractantes informe l'autre Partie contractante, à sa demande, de l'utilisation des données personnelles transmises et des résultats ainsi obtenus. A sa demande la personne concernée est renseignée sur les informations existant à son sujet et sur le mode d'utilisation prévu.

5. Les données personnelles transmises ne sont conservées qu'aussi longtemps que l'exige le but dans lequel elles ont été communiquées.

6. La Partie contractante qui transmet les données est tenue de s'assurer de leur exactitude ainsi que de la nécessité et de l'adéquation au but poursuivi par la communication. S'il s'avère que des données inexactes ont été transmises ou que la transmission était illicite, le destinataire doit en être avisé immédiatement. Il est tenu de procéder à la rectification ou à la destruction des données en cause.

7. Les deux Parties contractantes sont tenues d'inscrire dans leurs dossiers la transmission et la réception des données personnelles et de protéger efficacement les données personnelles transmises contre l'accès non autorisé, leur usage abusif et la communication illicite.

Article 9

Clause d'intangibilité

Le présent Accord n'affecte pas les autres obligations de droit international des Parties contractantes, en particulier les obligations découlant des traités dans le domaine des droits de l'Homme et de l'extradition.

Article 10

Application territoriale

Le présent Accord s'applique également à la Principauté de Liechtenstein.

Article 11
Modifications, compléments

Le présent Accord peut être modifié ou complété, par écrit et par voie diplomatique, d'un commun accord par les Parties contractantes.

Article 12
Principe de bonne collaboration et règlement des différends

1. Les Parties contractantes s'engagent à coopérer étroitement et à résoudre, d'un commun accord, les problèmes qui pourraient se présenter lors de l'application du présent Accord.

2. Toute divergence, née dans l'interprétation et dans l'exécution du présent Accord doit être réglée par voie diplomatique. En cas de besoin, chaque Partie contractante peut demander la convocation immédiate d'une réunion d'experts afin de résoudre les questions relatives à la mise en œuvre du présent Accord.

Article 13
Suspension, dénonciation

Chaque Partie contractante peut suspendre ou dénoncer tout ou partie du présent Accord pour des raisons importantes, notamment pour des raisons tenant à la protection de la sûreté de l'Etat, de l'ordre public ou de la santé publique. La suspension ou la dénonciation doit être communiquée immédiatement à l'autre Partie, par écrit et par la voie diplomatique. La suspension ou la dénonciation prend effet trente jours après la date de la notification correspondante.

Article 14
Entrée en vigueur

1. Le présent Accord entre en vigueur dans les 60 jours suivant la date de sa signature.

2. Il est conclu pour une durée de cinq ans et est prorogé tacitement pour des durées consécutives de trois ans, à moins qu'une des Parties n'informe l'autre par écrit de son intention de ne pas renouveler l'Accord, au moins six mois avant son échéance.

Fait à Hanoi le 12 septembre 2006 en deux exemplaires dans les langues vietnamienne et française, chaque texte faisant également foi.

Pour le Gouvernement de la République socialiste du Vietnam	**Pour le Conseil fédéral suisse**
Vu Dung **Vice-Ministre des affaires étrangères**	**Bénédict de Cerjat** **Ambassadeur de Suisse au Vietnam**